

Bản án số: 21/2022/DS- ST

Ngày: 26/9/2022

“ V/v tranh chấp hợp đồng
tín dụng”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỆ THỦY-TỈNH QUẢNG BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Nhân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phan Văn Việt

Ông Võ Văn Chí

- Thư ký phiên Tòa: Bà Đỗ Thị Diệu Linh, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 26 tháng 9 năm 2022, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 16/2022/TLST-DS ngày 21/02/2022 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 27/2022/QĐXXST-DS ngày 19/8/2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 19a/2022/QĐST-DS ngày 06/9/2022, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngân hàng N, địa chỉ: 02 L, phường T, quận B, thành phố Hà Nội, đại diện theo pháp luật: Ông Tiết Văn T, chức vụ: Tổng Giám đốc; Chi nhánh thực hiện việc khởi kiện theo Quyết định ủy quyền thực hiện quyền nghĩa vụ khởi kiện, tham gia tố tụng và thi hành án số: 2965/QĐ-NHN ngày 27/12/2019: Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình, địa chỉ: Số 21, đường N, tổ dân phố T, thị trấn K, huyện L, tỉnh Quảng Bình, đại diện theo pháp luật: Ông Mai Văn K, chức vụ: Giám đốc, đại diện theo ủy quyền: Ông Trương Hải N, chức vụ: Phó Giám đốc, theo Giấy ủy quyền số 30/UQ-NHNo-LT ngày 18/01/2022 của Giám đốc chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình, ông N có mặt.

Bị đơn: Ông Trần Đức T, sinh năm 1971 và bà Giang Thị Lệ H, sinh năm 1971, cùng nơi cư trú: Xóm 3, thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình. Ông T, bà H đều vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 18/01/2022, bản tự khai ngày 17/3/2022 đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn ông Trương Hải N đều trình bày: Ngày 08/4/2019, ông Trần Đức T, đại diện cho vợ chồng ông và ngân hàng N chi nhánh huyện L ký hợp đồng tín dụng số 3802LAV201901510/HĐTD, với nội dung: Ngân hàng N

cho vợ chồng ông Trần Đức T vay số tiền 200.000.000 đồng (hai trăm triệu đồng); mục đích vay: Chăn nuôi bò sinh sản; thời hạn vay: 24 tháng, kể từ ngày giải ngân 08/4/2019; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10%/năm, trường hợp lãi suất thay đổi, ngân hàng N được quyền điều chỉnh tăng giảm tương ứng. Sau khi điều chỉnh lãi suất tiền vay được ghi vào phụ lục hợp đồng tín dụng đang lưu tại ngân hàng N đồng thời thông báo cho bên vay biết để thực hiện; lãi suất nợ quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn; lãi suất đối với tiền lãi chậm trả: 10%/năm. Kỳ hạn trả nợ gốc được chia thành 02 kỳ: Kỳ 1, ngày 08/4/2020 trả nợ gốc 100.000.000 đồng; kỳ 2, ngày 08/4/2021 trả nợ gốc 100.000.000 đồng; kỳ hạn trả lãi 05 tháng/kỳ. Tài sản bảo đảm khoản vay: Theo hợp đồng thế chấp quyền sử dụng đất số: 0204/2018/HĐTC ngày 02/04/2018 ký giữa Ngân hàng N Chi nhánh huyện L với ông Trần Đức T và bà Giang Thị Lệ H là: Quyền sử dụng đất, thửa đất số 291, tờ bản đồ số 53, diện tích 90,3m² tại địa chỉ thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 459635 do UBND huyện L cấp ngày 27/3/2018 mang tên ông Trần Đức T và bà Giang Thị Lệ H, có giá trị tại thời điểm định giá là 280.257.500 đồng. Quá trình thực hiện hợp đồng, ông T, bà H chưa trả kỳ nào về gốc và lãi cho Ngân hàng, mặc dù phía ngân hàng N đã nhiều lần thông báo, đôn đốc ông T, bà H trả nợ nhưng ông T, bà H trốn tránh không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ là vi phạm cam kết, vi phạm hợp đồng tín dụng, đồng thời không phối hợp để xử lý tài sản bảo đảm làm ảnh hưởng nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của Ngân hàng, gây khó khăn đến việc thu hồi vốn của Nhà nước. Do ông T, bà H không thực hiện đúng nghĩa vụ trả nợ lãi và phân kỳ trả nợ gốc đầu tiên nên ngày 09/4/2020 Ngân hàng chuyển sang nợ quá hạn kỳ đầu tiên, sau đó tiếp tục chuyển nợ quá hạn phân kỳ tiếp theo toàn bộ số nợ gốc. Vì vậy, để đảm bảo thu hồi nợ, Ngân hàng khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông Trần Đức T và bà Giang Thị Lệ H phải trả cho Ngân hàng toàn bộ số tiền gốc và lãi tính đến ngày xét xử, gồm: Tiền gốc 200.000.000 đồng, lãi trong hạn: 30.109.589 đồng, lãi quá hạn: 59.054.795 đồng. Tổng cộng tiền lãi: 89.164.384 đồng và tiếp tục chịu lãi trên số tiền gốc chưa thanh toán kể từ khi xét xử đến khi thi hành án xong, theo mức lãi thỏa thuận trong hợp đồng tín dụng, đồng thời yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm mà ông T bà H đã thế chấp để thu hồi khoản nợ.

Đối với bị đơn ông Trần Đức T và bà Giang Thị Lệ H: Sau khi thụ lý vụ án, Tòa án đã tổng đạt, niêm yết hợp lệ thông báo thụ lý vụ án thông báo tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải nhiều lần nhưng ông T, bà H vẫn không đến Tòa án để giải quyết việc Ngân hàng khởi kiện yêu cầu trả nợ theo hợp đồng tín dụng đã ký. Mặc dù qua xác nhận thông tin về cư trú của Công an xã P, thì ông T, bà H có nơi thường trú tại xóm 3, thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình.

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả hỏi và tranh luận tại phiên tòa;

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về tố tụng: Yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng Chi nhánh huyện L buộc ông Trần Đức T và bà Giang Thị Lệ H có nghĩa vụ trả tiền gốc và lãi theo hợp đồng tín dụng là tranh chấp hợp đồng dân sự theo khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự; bị đơn ông Trần Đức T và bà Giang Thị Lệ H có địa chỉ cư trú tại: Xóm 3 thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lệ Thủy theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự. Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Trần Đức T và bà Giang Thị Lệ H dù đã được Tòa án tổng đạt, niêm yết thông báo, giấy triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng ông T, bà H vẫn vắng mặt không có lý do. Như vậy, bị đơn cố tình không chấp hành thông báo, triệu tập của Tòa án và từ bỏ quyền và nghĩa vụ tố tụng của mình được pháp luật quy định. Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn theo điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2]. Về nội dung:

[2.1]. Về yêu cầu thực hiện nghĩa vụ của hợp đồng tín dụng: Nguyên đơn yêu cầu Tòa án buộc bị đơn trả đủ nợ gốc, nợ lãi theo hợp đồng tín dụng cho đến ngày xét xử, gồm: Tiền gốc 200.000.000 đồng, lãi trong hạn 30.109.589 đồng, lãi quá hạn tính đến ngày xét xử (26/9/2022) 59.054.795 đồng. Tổng toàn bộ 289.164.384 đồng và chịu lãi tiếp theo kể từ sau ngày tuyên án cho đến khi trả hết nợ gốc.

Theo lời trình bày của đại diện nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án; các chứng cứ, tài liệu có tại hồ sơ vụ án và quá trình xét hỏi công khai tại phiên tòa cho thấy, ông Trần Đức T đại diện cho vợ chồng ông đã ký kết hợp đồng tín dụng với Ngân hàng N Chi nhánh L, tỉnh Quảng Bình số 3802LAV201901510/HĐTD ngày 08/4/2019 với nội dung vợ chồng ông Trần Đức T vay của Ngân hàng N số tiền: 200.000.000 đồng, mục đích vay: Chăn nuôi bò sinh sản; thời hạn vay: 24 tháng, kể từ ngày giải ngân 08/4/2019; lãi suất cho vay tại thời điểm ký hợp đồng tín dụng là 10%/năm, lãi quá hạn bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn tại thời điểm chuyển nợ quá hạn, các loại phí phát sinh theo quy định từng thời kỳ bên vay chấp nhận chịu toàn bộ. Hai bên thỏa thuận phân kỳ trả nợ thành 02 kỳ như trong hợp đồng. Đối chiếu hợp đồng tín dụng và các tài liệu chứng cứ trong hồ sơ vụ án với lời khai của đại diện nguyên đơn có căn cứ xác định ông Trần Đức T sau khi ký hợp đồng tín dụng thì ông T, bà H chưa thực hiện trả tiền gốc và tiền lãi theo phân kỳ như đã thỏa thuận trong hợp đồng là vi phạm nghĩa vụ trả nợ theo hợp đồng tín dụng kể từ ngày phân kỳ trả nợ gốc lần đầu tiên là ngày 08/4/2020, đến ngày 09/4/2020 Ngân hàng đã chuyển sang nợ quá hạn của kỳ đầu tiên và hiện nay đã chuyển toàn bộ số nợ gốc sang nợ quá hạn theo 2 mốc phân kỳ. Vì vậy, Ngân hàng yêu cầu buộc bị đơn phải thanh toán cả gốc và lãi đến ngày xét xử và tiếp tục chịu lãi phát sinh sau ngày tuyên án cho đến khi thi hành xong khoản tiền gốc theo hợp đồng tín dụng là có căn cứ cần chấp nhận.

[2.2]. Về tài sản bảo đảm khoản vay: Theo hợp đồng thế chấp tài sản số 0204/2018/HĐTC ngày 02/04/2018 ký giữa người có thẩm quyền của Ngân hàng N Chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình với vợ chồng ông Trần Đức T và bà Giang Thị Lệ H là quyền sử dụng đất tại thửa đất số 291, tờ bản đồ số 53, diện tích

90,3m² tại địa chỉ thôn T, xã P, huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 459635 do UBND huyện L cấp ngày 27/3/2018 mang tên ông Trần Đức T và bà Giang Thị Lệ H. Đây là cam kết giữa bên có nghĩa vụ (ông T, bà H) với bên có quyền (Ngân hàng N) nếu khi đến thời hạn thực hiện nghĩa vụ mà bên có nghĩa vụ không thực hiện hoặc thực hiện không đúng, không đầy đủ nghĩa vụ thì bên có quyền được xử lý hoặc yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm để thu hồi nợ. Sự thỏa thuận trên hoàn toàn tự nguyện, đảm bảo đúng trình tự quy định, nội dung hợp đồng phù hợp với các quy định của pháp luật có hiệu lực. Căn cứ thời gian vi phạm nghĩa vụ trả nợ của bên vay, nếu bị đơn không thực hiện hoặc thực hiện không đầy đủ nghĩa vụ thì nguyên đơn có quyền xử lý tài sản thế chấp hoặc yêu cầu xử lý tài sản thế chấp, để bảo đảm nghĩa vụ trả nợ đối với bị đơn. Do sau nhiều lần vi phạm phân kỳ trả nợ mà bị đơn không hợp tác xử lý tài sản thế chấp nên hiện nay Ngân hàng N Chi nhánh huyện L yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm thửa đất số 291, tờ bản đồ số 53, diện tích 90,3m² tại địa chỉ thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 459635 do UBND huyện L cấp ngày 27/3/2018 mang tên ông Trần Đức T và bà Giang Thị Lệ H, để bảo đảm nghĩa vụ trả khoản nợ của ông T, bà H là có căn cứ.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy, cần chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N Chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình là có căn cứ, phù hợp với pháp luật.

[3]. Về án phí: Yêu cầu của nguyên đơn được chấp nhận nên không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp. Bị đơn ông Trần Đức T, bà Giang Thị Lệ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch tương ứng với số tiền phải trả nợ cho nguyên đơn theo quy định của pháp luật.

[4]. Về quyền kháng cáo: Các bên đương sự có quyền kháng cáo theo luật định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 1 Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227 và khoản 3 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 12 Luật Ngân hàng Nhà nước Việt Nam; Điều 91 và Điều 95 của Luật Các tổ chức tín dụng; các Điều 292, 317, 318, 320, 321, 322, 323, 357, 463, 466, 468, 500 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân Tối cao hướng dẫn áp dụng một số quy định của pháp luật về lãi, lãi suất, phạt vi phạm; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình.

- Buộc ông Trần Đức T và bà Giang Thị Lệ H phải trả cho Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L, tỉnh Quảng Bình tổng số tiền tính đến ngày xét xử (26/9/2022) là: 289.164.384 đồng, trong đó nợ gốc 200.000.000 đồng; lãi trong hạn:

30.109.589 đồng; lãi quá hạn: 59.054.795 đồng. Tiền nợ gốc và tiền nợ lãi nói trên phải trả một lần sau khi bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án.

- Tài sản bảo đảm: Quyền sử dụng đất, thửa đất số 291, tờ bản đồ số 53, diện tích 90,3m² tại địa chỉ thôn T, xã P, huyện L, tỉnh Quảng Bình theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số: CM 459635 do UBND huyện L cấp ngày 27/3/2018 mang tên Trần Đức T và Giang Thị Lệ H, theo Hợp đồng thế chấp tài sản số 0204/2018/HĐTC ngày 02/04/2018 đã được chứng thực tại UBND xã P và đăng ký thế chấp quyền sử dụng đất tại Văn phòng đăng ký đất đai Chi nhánh huyện L ngày 02/4/2018, là tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án dân sự của ông T, bà H. Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L có trách nhiệm chuyển giao các giấy tờ liên quan đến tài sản thế chấp cho Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy, tỉnh Quảng Bình xử lý khi có đơn yêu cầu thi hành án, yêu cầu xử lý tài sản thế chấp để bảo đảm nghĩa vụ thi hành án theo quy định của Luật thi hành án dân sự.

Kể tiếp sau ngày tuyên án sơ thẩm (26/9/2022) bên phải thi hành án tiếp tục chịu tiền lãi phát sinh đối với khoản nợ gốc chưa thi hành cho đến khi thanh toán xong theo mức lãi suất đã thỏa thuận (lãi quá hạn 150%) trong hợp đồng tín dụng số 3802LAV201901510/HĐTD ngày 08/4/2019 giữa Ngân hàng N - Chi nhánh huyện L với ông Trần Đức T và bà Giang Thị Lệ H.

- Án phí dân sự sơ thẩm: Ông Trần Đức T và bà Giang Thị Lệ H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm 14.458.219 đồng; trả lại cho Ngân hàng N – Chi nhánh huyện L số tiền tạm ứng án phí 6.713.356 đồng (ông Trương Hải N đã nộp) theo biên lai số: 0004403 ngày 18/02/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Lệ Thủy.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Đại diện nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm 26/9/2022, bị đơn vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết, đề yêu cầu Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND h Lệ Thủy;
- TAND tỉnh QB;
- Chi cục THADS h. Lệ Thủy;
- Lưu HS;VP.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Trương Thị Nhàn